

BỘ GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

LÊ THỊ NAM PHƯƠNG

**PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ
GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP
TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG**

Chuyên ngành: Kinh tế Phát triển
Mã số: 60.31.05

TÓM TẮT LUẬN VĂN THẠC SĨ KINH TẾ

Đà Nẵng - Năm 2012

Công trình được hoàn thành tại
ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

Người hướng dẫn khoa học: PGS. TS. Bùi Quang Bình

Phản biện 1: PGS. TS. Nguyễn Th Như Liêm

Phản biện 2: TS. Phan Văn Tâm

Luận văn đã được bảo vệ trước Hội đồng chấm Luận văn tốt nghiệp Thạc sĩ Kinh tế họp tại Đại học Đà Nẵng vào ngày 23 tháng 11 năm 2012.

Có thể tìm hiểu luận văn tại:

- Trung tâm Thông tin – Học liệu, Đại học Đà Nẵng;
- Thư viện Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng.

MỞ ĐẦU

1. Tính cấp thiết của đề tài

Giáo dục mầm non là cấp học đầu tiên của hệ thống giáo dục quốc dân, đặt nền móng ban đầu cho sự phát triển về thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ của trẻ em. Phát triển mầm non ngoài công lập là hiện thực hoá chủ trương xã hội hoá giáo dục của chính phủ nhằm hai mục tiêu lớn: Thứ nhất là phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo sự nghiệp giáo dục; thứ hai là điều kiện để toàn xã hội, đặc biệt là các đối tượng chính sách, người nghèo được thụ hưởng thành quả giáo dục ở mức độ ngày càng cao, nâng cao chất lượng cuộc sống của người dân.

Đà Nẵng- thành phố năng động nhất miền Trung với tốc độ phát triển cao, dự kiến đạt 1,4 triệu dân vào năm 2020. Đây là con số tăng cơ học chóng mặt. Thành phố cũng đang đứng trước sức ép đáp ứng nhu cầu sống của người dân và sự tăng nhanh của lao động nhập cư. Dân số trẻ cũng là bài toán đầu tư nghiêm túc để Đà Nẵng phát triển và phát triển bền vững. Sự đầu tư dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập là điều kiện cần thiết để đảm bảo các mục tiêu phát triển điều kiện hạ tầng. Đề tài **“Phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng”** nhằm tìm hiểu thực trạng phát triển dịch vụ GDMNNCL trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay, từ đó đề xuất các giải pháp phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập trong thời gian đến. Kết quả nghiên cứu của đề tài sẽ góp phần trong việc nâng cao chất lượng cuộc sống, đưa mục tiêu xây dựng thành phố Đà Nẵng “Thành phố đáng sống” trở thành hiện thực.

2. Mục tiêu của đề tài

- Khái quát được lý luận về phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập làm cơ sở cho nghiên cứu
- Xác định điều kiện tiền đề cho việc phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng
- Đánh giá được thực trạng phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng hiện nay.

- Kiến nghị được các giải pháp để phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020.

3. Đối tượng và phạm vi nghiên cứu

3.1. Đối tượng

- Dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập;

3.2. Phạm vi

Về không gian: trên địa bàn thành phố Đà Nẵng

Về thời gian: từ năm 2006 - 2012. Định hướng phát triển đến năm 2020.

4. Phương pháp nghiên cứu

- Phương pháp khảo sát, điều tra, thu thập số liệu (*Số liệu tình hình kinh tế-xã hội, số liệu về giáo dục mầm non của thành phố Đà Nẵng*)

- Phương pháp thống kê (*phân tổ thống kê, phương pháp đồ thị thống kê, phương pháp phân tích dãy số biến động theo thời gian và phương pháp phân tích tương quan*);

- Phương pháp tổng hợp và khái quát hoá.

5. Kết cấu của đề tài

Chương 1. Cơ sở lí luận về phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập;

Chương 2. Thực trạng phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng;

Chương 3. Giải pháp phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập trên địa bàn thành phố Đà Nẵng đến năm 2020.

6. Tổng quan vấn đề nghiên cứu

CHƯƠNG 1

CƠ SỞ LÝ LUẬN VỀ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP

1.1. KHÁI NIỆM

Phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập là sự tăng lên về loại hình, chủng loại các dịch vụ GDMN, tăng lên số lượng, tỉ lệ học sinh các cơ sở GDMNNCL đảm trách. Sự bao phủ của mạng lưới, đa

dạng hóa các dịch vụ hỗ trợ, nâng cao chất lượng dịch vụ. Hoàn thiện về cơ cấu, chính sách, quy định pháp luật đáp ứng việc phát triển giáo dục MNNCL nói riêng và giáo dục nói chung.

1.2. ĐẶC ĐIỂM VÀ VAI TRÒ CỦA DỊCH VỤ GIÁO DỤC

1.2.1. Đặc điểm

- (1) Tính phi vật thể; (2) Tính tương tác; (3) Tính không đồng nhất và khó định lượng; (4) Tính không lưu trữ, cất giữ; (5) Đặc điểm của dịch vụ giáo dục mầm non

- Bao gồm cả chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục các cháu từ 3 tháng đến dưới 6 tuổi

- Do các cơ sở mầm non ngoài công lập thực hiện, đáp ứng những nhu cầu mà công lập không thể cung cấp hoặc cung cấp không đầy đủ (*Nhóm nhu cầu cao, nhóm nhu cầu học tập công lập không đủ đảm bảo*)

1.2.2. Vai trò

- Đặt nền móng cho việc phát triển thể chất, trí tuệ, tình cảm, thẩm mỹ cho trẻ em, chuẩn bị tâm thế cho trẻ vào lớp 1.

- Tăng cơ hội tiếp cận thành quả giáo dục, nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Phát huy tiềm năng trí tuệ và vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục.

- Tạo cơ hội việc làm cho đội ngũ giáo viên, nhân viên trong các cơ sở giáo dục, cơ sở hậu cần giáo dục, tạo cơ hội đầu tư cho các tổ chức, cá nhân.

1.3. NỘI DUNG VÀ TIÊU CHÍ PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP

1.3.1. Nội dung phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập

a. Phát triển loại hình, chủng loại dịch vụ GDMNNCL

Loại hình nhà trẻ: Tùy vào độ tuổi của đối tượng sử dụng, dịch vụ giáo dục ở độ tuổi nhà trẻ được phân vào các nhóm lớp tương ứng với chủng loại dịch vụ đặc thù phù hợp với yêu cầu chăm sóc và giáo dục của tâm lý lứa tuổi như: (1) Nhóm từ 3 tháng đến 6 tháng tập trung cho việc chăm sóc và nuôi dưỡng ở yêu cầu đòi hỏi sự cẩn trọng và mức phối hợp

của các bà mẹ. (2) Nhóm 6 đến 12 tháng chủ yếu là dịch vụ chăm sóc nuôi dưỡng. (3) Nhóm 12 đến 18 tháng bao gồm các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. (4) Nhóm 18 đến 24 tháng: bao gồm các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục. (5) Nhóm 24 đến 36 tháng: bao gồm các dịch vụ chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục.

Loại hình mẫu giáo: Tương tự như vậy ở nhóm trẻ mẫu giáo tùy vào đối tượng sử dụng mà dịch vụ GDMN có những chủng loại riêng phù hợp với từng lớp học, nhưng đều phải đòi hỏi cả 3 chủng loại dịch vụ chính đó là chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục để giúp các cháu phát triển toàn diện về thể chất, trí tuệ, tình cảm và thẩm mỹ. Loại hình mẫu giáo gồm có các cấp: (1) Mẫu giáo bé từ 3 đến 4 tuổi (2) Mẫu giáo nhỡ từ 4 đến 5 tuổi (3) Mẫu giáo lớn từ 5 đến dưới 6 tuổi.

Ngoài các dịch vụ cơ bản của GDMN nói trên, GDMNNCL cũng có lợi thế từ sự linh hoạt trong cơ chế và năng lực quản lý GDMNNCL có thể đáp ứng nhiều các phân khúc hẹp, nhiều nhu cầu đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ người học.

b. Phát triển mạng lưới dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập

Gia tăng dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập là việc tăng thêm và mở rộng, đa dạng dịch vụ hỗ trợ và nâng cao chất lượng các dịch vụ của các cơ sở giáo dục ngoài công lập. Quá trình này đòi hỏi phải mở rộng và phân bổ mạng lưới dịch vụ giáo dục, hình thành và phân bổ hệ thống các cơ sở cung cấp dịch vụ. Chẳng hạn với giáo dục mầm non là các nhà trẻ và trường mẫu giáo trên mỗi vùng lãnh thổ hay địa phương. Quá trình này cũng là quá trình bao phủ dịch vụ xã hội cung cấp cho dân cư ở đó, gia tăng các dịch vụ giáo dục cho xã hội. Đồng thời tăng thêm các dịch vụ ngoài những dịch vụ cơ bản của mình như cung cấp kiến thức chăm sóc cho trẻ, nội trú, đưa đón, tư vấn tâm lý, giáo dục đặc biệt...

Dịch vụ giáo dục mầm non nhằm cung cấp cho khách hàng là học sinh. Phân bổ dân số trên lãnh thổ của mỗi địa phương theo quá trình phân bổ sản xuất của nền kinh tế. Dịch vụ giáo dục nói chung và dịch vụ giáo dục mầm non nói riêng thuộc dịch vụ hạ tầng xã hội phục vụ dân cư ở mỗi vùng. Ở đâu có dân cư sinh sống thì sẽ có các dịch vụ hạ tầng xã

hội này. Mật độ các cơ sở cung cấp dịch vụ này phụ thuộc vào dân số mỗi địa phương hay khu vực nào đó. Thông thường mạng lưới dịch vụ giáo dục này được quy hoạch phát triển cùng với quy hoạch phát triển kinh tế xã hội của mỗi địa phương.

Dịch vụ giáo dục này càng có nhu cầu tăng cao và do đó mạng lưới trường lớp có nhu cầu ngày càng mở rộng. Đó là do (1) đặc điểm dân số của các nước đang phát triển nói chung và Việt Nam nói riêng tăng nhanh, dân số trẻ chiếm tỷ trọng lớn; (2) nhu cầu về dịch vụ giáo dục nói chung và mầm non nói riêng tăng nhanh theo, ngoài ra kinh tế ngày càng phát triển, đời sống được cải thiện cũng khiến nhu cầu về dịch vụ này tăng cao.(3) Sự phát triển của xã hội nói chung và sự tham gia ngày càng nhiều của phụ nữ trong các hoạt động kinh tế xã hội, cần ngày càng nhiều các dịch vụ hỗ trợ chăm sóc, nuôi dưỡng trẻ. Đây là yêu cầu tất yếu cho sự đa dạng các dịch vụ hỗ trợ.

c. Phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý.

Phát triển đội ngũ giáo viên là quá trình tăng thêm số lượng giáo viên đi cùng với nâng cao chất lượng của đội ngũ. Do đặc điểm của dịch vụ giáo dục khó có thể thay thế bằng máy móc để tự động hóa và chất lượng của dịch vụ này phụ thuộc vào chất lượng của giáo viên. Nên quá trình phát triển phải bảo đảm được phát triển cả về lượng và chất. Phát triển về số lượng được bảo đảm bằng việc tuyển dụng giáo viên hàng năm của các cơ sở giáo dục từ các trường sư phạm theo các tiêu chuẩn của ngành sư phạm và đặc thù của mỗi vùng mỗi cơ sở.

Phát triển về chất lượng giáo viên là quá trình nâng cao kiến thức, kỹ năng, nhận thức và động lực của giáo viên để họ có thể đảm đương được công việc. Phát triển kiến thức của giáo viên là nâng cao trình độ chuyên môn nghiệp vụ cho họ. Trong thời đại hiện nay, sự phát triển như vũ bão của khoa học và công nghệ yêu cầu người giáo viên phải có kiến thức học vấn cơ bản, kiến thức chuyên môn kỹ thuật và kỹ năng lao động tốt để có khả năng tiếp thu và ứng dụng công nghệ mới. Người lao động phải làm việc một cách chủ động, linh hoạt và sáng tạo, sử dụng được các công cụ, phương tiện lao động tiên tiến, hiện đại. Trong những năm gần

đây, người ta đề cập nhiều tới việc phát triển nền kinh tế tri thức. Đó là nền kinh tế mà trong đó khoa học và công nghệ trở thành lực lượng sản xuất trực tiếp, là yếu tố quyết định hàng đầu việc sản xuất ra của cải, sức cạnh tranh và triển vọng phát triển. Trong nền kinh tế tri thức, việc nâng cao không ngừng kiến thức cho người lao động là yếu tố vô cùng cần thiết. Phát triển kiến thức có ý nghĩa trong việc nâng cao năng suất, chất lượng, hiệu quả trong lao động.

Đội ngũ cán bộ quản lý, nhân viên nhà trường: Để dịch vụ mầm non ngoài công lập phát triển cần có một đội ngũ các nhà quản lý được đào tạo không chỉ có nghiệp vụ chuyên môn quản lý như hệ thống công lập mà cần có ở họ một sự năng động, hiểu biết các vấn đề kinh tế, đảm trách công tác quản lý ngày càng chuyên nghiệp để đáp ứng sự phát triển của các dịch vụ, điều mà hệ thống công lập còn chậm trong công tác đáp ứng. Cách thức để phát triển kiến thức của nguồn nhân lực, (1) nâng cao kiến thức là yếu tố cốt lõi của phát triển nhân lực bằng nhiều hình thức, trong đó chủ yếu là thông qua đào tạo; (2) trong đào tạo, bao gồm cả đào tạo dài hạn, ngắn hạn, đào tạo theo trường lớp, đào tạo trong môi trường làm việc thực tiễn.

Phát triển kỹ năng của người giáo viên là làm gia tăng sự khéo léo, sự thuần thục, thành thạo trong công việc dạy dỗ học trò. Phải gia tăng kỹ năng của họ bởi kỹ năng chính là yêu cầu của quá trình dạy học. Để nâng cao kỹ năng của nhân lực cần phải huấn luyện, đào tạo, phải thường xuyên tiếp xúc với công việc để tích lũy kinh nghiệm.

Nâng cao nhận thức cho giáo viên có thể hiểu là một quá trình đi từ trình độ nhận thức kinh nghiệm đến trình độ nhận thức lý luận, từ trình độ nhận thức thông tin đến trình độ nhận thức khoa học. Vì vậy, việc nâng cao trình độ nhận thức cho người lao động là nhiệm vụ quan trọng mà công tác phát triển nguồn nhân lực phải quan tâm, vì nó ảnh hưởng trực tiếp đến công việc của tổ chức. Tiêu chí để đánh giá trình độ nhận thức của người lao động đối với tổ chức gồm có, (1) ý thức tổ chức kỷ luật, tinh thần tự giác và hợp tác; (2) có trách nhiệm và niềm say mê nghề nghiệp, yêu nghề, năng động trong công việc; (3) thể hiện trong các mối

quan hệ xã hội, thái độ trong giao tiếp, ứng xử trong công việc và cuộc sống.

d. Phát triển về cơ sở vật chất giáo dục, công nghệ quản lý, nâng cao chất lượng giáo dục

Phát triển cơ sở vật chất giáo dục là quá trình tạo ra, mở rộng và nâng cấp hệ thống trường lớp và các cơ sở vật chất đi cùng.

Dịch vụ giáo dục gắn liền với cơ sở vật chất trường lớp và là một bộ phận cấu thành chất lượng giáo dục. Cơ sở vật chất của giáo dục bao gồm nhà cửa kiến trúc, trang thiết bị phục vụ chăm sóc trẻ, dạy dỗ trẻ và bảo đảm môi trường vui chơi cho trẻ...

Cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non ngoài công lập phụ thuộc vào nguồn đầu tư từ các cá nhân, tổ chức trong và ngoài nước. Ở nước ta nguồn đầu tư từ nhà nước và các địa phương có hạn nên nguồn đầu tư ngoài nhà nước đang được coi trọng. Nguồn đầu tư từ khu vực tư nhân đang tạo ra những cơ sở giáo dục có chất lượng khá cao, bổ sung nguồn cung dịch vụ giáo dục cho xã hội, trong đó đáng kể nhất là dịch vụ giáo dục mầm non, ngoài ra còn có sự hỗ trợ của các tổ chức phi chính phủ.

Công nghệ quản lý đi cùng với việc sử dụng hiệu quả trang thiết bị, cơ sở vật chất. Phát triển cơ sở vật chất giáo dục phải gắn liền và đồng bộ với việc phân bổ mạng lưới và phát triển đội ngũ giáo viên, nhân viên đặc biệt là công nghệ quản lý. Cơ sở vật chất, công cụ, trang thiết bị dạy học có tính chất hỗ trợ giúp cho đội ngũ thực hiện các công việc, chất lượng yêu cầu cao đồng nghĩa với việc sử dụng dụng cụ và công nghệ giảng dạy ngày càng nhiều. Trong tiêu chí xây dựng trường chuẩn quốc gia Bộ GD&ĐT đã quy định hết sức cụ thể các điều kiện hạ tầng từ diện tích lớp học, sân chơi, phòng chức năng... đến công tác tổ chức quản lý quyết định chất lượng.

Nâng cao chất lượng dịch vụ GDMNNCL là yêu cầu tất yếu cho sự phát triển dịch vụ GDMNNCL, chất lượng dịch vụ giáo dục mầm non nói chung và GDMNNCL nói riêng có ảnh hưởng đến nền móng thể chất, trí tuệ, nhân cách, tình cảm của trẻ, ảnh hưởng đến tâm thế của trẻ khi vào lớp 1. Điều này ảnh hưởng không nhỏ đến các yếu tố văn hóa xã hội, song với đặc điểm không thể định lượng nên cần thiết phải có tiêu chí đánh giá

cụ thể và chính xác để xác định, nâng cao chất lượng dịch vụ đáp ứng ngày càng cao của sự phát triển xã hội.

1.3.2. Tiêu chí

Các tiêu chí phản ánh sự phát triển dịch vụ giáo dục gồm các nhóm sau:

- *Nhóm tiêu chí phát triển loại hình, chủng loại dịch vụ GD MNNCL:*
(1) Bộ GD&ĐT quy định chuẩn mầm non 5 tuổi gồm 4 lĩnh vực, 28 chuẩn, 120 tiêu chí để đánh giá chất lượng công tác chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục trẻ em tại các cơ sở mầm non; (2) Chất lượng dinh dưỡng bữa ăn; (3) điều kiện vệ sinh an toàn thực phẩm; (4) điều kiện đảm bảo an toàn cháy nổ; (5) theo dõi sức khỏe...

- *Nhóm tiêu chí phản ánh sự gia tăng dịch vụ giáo dục mầm non thông qua mở rộng quy mô, bổ mạng lưới, phát triển dịch vụ cung cấp:*
(1) Số lượng và mức tăng số lượng trường học theo các cấp học; (2) Số trường học và cấp học theo các địa phương; (3) Số trẻ được đón nhận tại các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập; (4) Tỷ lệ trẻ được huy động trong tổng chung số trẻ đến trường và trên tổng số trẻ em trong độ tuổi; (5) các dịch vụ hỗ trợ người học

- *Nhóm tiêu chí về phát triển đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý:* (1) Số lượng và mức tăng giáo viên, cán bộ quản lý các cấp của địa phương; (2) Số lượng giáo viên, cán bộ quản lý đạt chuẩn từng cấp; (3) Số giáo viên giỏi các cấp; (4) Tỷ lệ học sinh bình quân trên giáo viên và mức giảm tỉ lệ này (5) tỉ lệ học sinh trên nhân viên phục vụ

- *Nhóm tiêu chí phát triển về cơ sở vật chất để cung cấp dịch vụ:*
(1) Diện tích sàn lớp học trung bình trên học sinh; (2) Diện tích sân chơi trung bình trên học sinh; (3) Số phòng học đạt tiêu chuẩn; (4) Số phòng chuyên dùng cho dạy học; (5) Trang thiết bị theo tiêu chuẩn của các trường; (6) Hệ thống cung cấp nước sinh hoạt đạt chuẩn; (7) Hệ thống nhà vệ sinh đạt tiêu chuẩn...

1.4. CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG TỚI PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP

1.4.1. Điều kiện tự nhiên

Dịch vụ giáo dục thường phân bố không đều, chủ yếu tập trung ở những nơi có điều kiện thuận lợi và lợi ích nhiều, những nơi vùng sâu vùng xa khó có thể thu hút phát triển mở rộng cơ sở cung cấp dịch vụ.

1.4.2. Điều kiện kinh tế, xã hội

Sự phát triển kinh tế xã hội tác động cả hai phía với sự phát triển dịch vụ giáo dục ngoài công lập. Sự phát triển kinh tế xã hội này sẽ tăng nhu cầu nhân lực có chất lượng, hay nói cách khác, quá trình này đòi hỏi phải có những con người được giáo dục chu đáo ngay từ khi còn nhỏ. Sự phát triển kinh tế xã hội cao sẽ giúp cho nền kinh tế có nhiều hơn nguồn lực để phát triển các dịch vụ giáo dục trên cả quy mô và chất lượng một lĩnh vực đầu tư rất tốn kém.

1.4.3. Nhân tố cơ chế, chính sách phát triển

Chính sách phát triển giáo dục là tổng thể các biện pháp của chủ thể sử dụng để tác động vào hệ thống giáo dục thông qua điều chỉnh các quy định điều kiện và quy chế hoạt động của trường học, nội dung kiến thức dạy dỗ, hỗ trợ tài chính và thuế, cải cách thủ tục hành chính, hoàn thiện cơ sở hạ tầng... Hệ thống chính sách của Chính phủ đối với khu vực giáo dục mầm non sẽ là nhân tố quan trọng trong việc khuyến khích hay kìm hãm dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập phát triển.

1.4.4. Sự phát triển của hệ thống giáo dục mầm non công lập

Dịch vụ giáo dục mầm non ở nhiều nước do các cơ sở giáo dục mầm non công lập cung cấp. Nhưng trong điều kiện các nước mà nguồn lực có giới hạn, Chính phủ khó bảo đảm các dịch vụ giáo dục mầm non cũng như chi phí duy trì sự hoạt động của khu vực này. Do đó nguồn cung bị giảm và khoảng trống thị trường xuất hiện buộc chính phủ phải theo đuổi chính sách xã hội hóa giáo dục.

1.5. KINH NGHIỆM PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP

CHƯƠNG 2

THỰC TRẠNG PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GDMN NGOÀI CÔNG LẬP CỦA TP ĐÀ NẴNG

2.1. NHỮNG YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP CỦA THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.1.1. Điều kiện tự nhiên

a. Vị trí địa lý

b. Điều kiện địa hình

2.1.2. Điều kiện kinh tế xã hội

a. Dân số và nguồn nhân lực

Theo số liệu thống kê năm 2009, dân số Đà Nẵng có 901.140 người (tính đến thời điểm 31/12/2009), với mật độ 694 người/km². Dân số trẻ của TP là nguồn nhân lực dồi dào đáp ứng khá đầy đủ nhu cầu của các tổ chức, cá nhân đồng thời đây cũng chính là nguồn nhu cầu lớn, phong phú và đa dạng dịch vụ giáo dục đặc biệt mầm non ngoài công lập bởi những tư tưởng mới.

b. Tình hình phát triển kinh tế, xã hội

Tốc độ tăng trưởng kinh tế nhanh là một trong những điều kiện tiền đề cho sự phát triển của dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập. Đà Nẵng là một trong những địa phương có tốc độ tăng trưởng kinh tế khá cao trong cả nước, với tốc độ tăng trưởng bình quân giai đoạn 1997- 2009 đạt 11,17%/năm so với mức bình quân 7,27%/năm của cả nước.

2.1.3. Thực trạng phát triển giáo dục mầm non công lập trên địa bàn TP Đà Nẵng

Những năm gần đây, thành phố Đà Nẵng tiếp tục đẩy mạnh công tác mở rộng mạng lưới, quy mô trường, lớp mầm non công lập theo hướng chuẩn và trên chuẩn của Bộ GD&ĐT. Hiện nay, trong tổng số 136 trường mầm non có 64 trường công lập;

Theo số liệu thống kê của Sở GD&ĐT thành phố cuối năm học 2011-2012, hiện nay thành phố có 504 người thuộc diện biên chế nhà nước... Tuy nhiên, số cán bộ quản lý và giáo viên tại các trường mầm non hiện nay đạt

chuẩn trở lên chỉ đạt 59,29% (3.384 người).

2.1.4. Chính sách phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập của thành phố

Trong sự phát triển, các cơ sở giáo dục mầm non công lập đang trở nên quá tải trước sự gia tăng dân số của thành phố. Để giải quyết sự thiếu hụt dịch vụ giáo dục mầm non này, bên cạnh các chính sách của Chính phủ, chính quyền thành phố Đà Nẵng đã đề ra nhiều chính sách để phát triển dịch vụ GD MNNCL nói riêng và xã hội hóa nói chung nhằm nâng cao số lượng và chất lượng các dịch vụ giáo dục như: (1) Đề án phổ cập giáo dục mầm non 5 tuổi trên địa bàn TP Đà Nẵng giai đoạn 2011-2014 đảm bảo tỉ lệ học sinh 5 tuổi đến lớp đạt 100%; Chính sách về kiên cố hóa trường học, lớp học, nhà công vụ cho giáo viên giai đoạn 2008-2012 hay chính sách huy động các nguồn lực xã hội để phát triển giáo dục mầm non, quy hoạch tổng thể ngành giáo dục đến năm 2020...

2.2. TÌNH HÌNH PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

2.2.1. Tình hình phát triển loại hình, chủng loại dịch vụ GDMNNCL

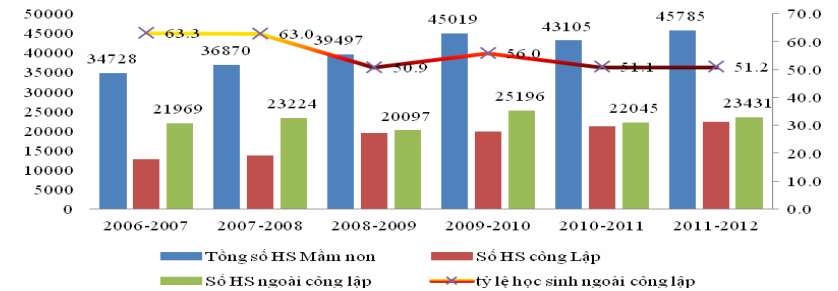
Cùng với chính sách của chính phủ và sự quan tâm của chính quyền thành phố đặc biệt trong chủ trương xã hội hóa giáo dục, GDMNNCL trên địa bàn Thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua đã được phát triển ở tất cả loại hình, cung cấp đa dạng các chủng loại dịch vụ bên cạnh những chủng loại dịch vụ căn bản như các dịch vụ tư vấn chăm sóc con nhỏ cho các bà mẹ, dịch vụ đưa đón, dịch vụ giáo dục làm quen tiếng anh, trang bị kỹ năng mềm... Song do bản chất khác nhau giữa kênh phân phối dịch vụ và quyền lợi của người học nên dịch vụ GDMNNCL tập trung vào 2 phân khúc mà giáo dục mầm non không thể tổ chức được hoặc không đủ để đảm bảo.

Phân khúc yêu cầu cao: Ở phân khúc này ngoài việc cung cấp các dịch vụ cơ bản ở chất lượng cao hơn như điều kiện CSVC, trang thiết bị, đội ngũ, phương pháp... Dịch vụ GDMNNCL còn cung cấp rất nhiều dịch vụ hỗ trợ người học, nâng cao điều kiện thụ hưởng của

các dịch vụ. phân khúc này thường do các trường lớn có đầu tư cao cung cấp như Sky-line, Hồng Nhung, Đức Trí, ABC..

Phân khúc yêu cầu thấp: Phân khúc này phần lớn ở các trường có quy mô nhỏ, các nhóm trẻ gia đình nằm trong các khu đông dân cư, khu công nhân, thường do điều kiện chi trả của người dân thấp, không ổn định, không có hộ khẩu tại địa phương và một số ít do con còn quá nhỏ không thể đưa đi xa gửi hoặc các cơ sở công lập không giữ ở độ tuổi quá nhỏ.

Sự phát triển về chủng loại, loại hình dịch vụ không chỉ tăng lên về chất lượng mà số lượng các dịch vụ giáo dục mầm non của thành phố Đà Nẵng tăng dần qua các năm. Theo báo cáo của sở GDĐT đến nay dịch vụ GDMNNCL đã phát triển cao hơn của công lập đáp ứng nhiều phân khúc và nhiều sản phẩm dịch vụ cụ thể:



Hình 2.1 sự phát triển dịch vụ GDMNNCL tại TP ĐN

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của Sở GD&ĐT TP. Đà Nẵng

Hiện nay, phần lớn mạng lưới cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập đang tập trung ở các quận trung tâm như Hải Châu, Thanh Khê, Sơn Trà và Liên Chiểu. Do điều kiện khó khăn nên dịch vụ GDMNNCL ở huyện Hòa Vang chưa được phát triển. Các cơ sở GD MNNCL đã cung cấp thêm khá nhiều dịch vụ ngoài dịch vụ cơ bản và diện bao phủ của các dịch vụ này khá rộng. Ví dụ, dịch vụ cung cấp bữa ăn tại trường cho trẻ mẫu giáo tới gần 76% hay dịch vụ khám bệnh định

kỳ cho trẻ mẫu giáo lên gần 90%.

2.2.2. Tình hình phát triển đội ngũ cán bộ quản lý và giáo viên

Tổng số giáo viên và cán bộ quản lý ở các cơ sở GDMNCL tăng từ 1.735 người năm học 2006-2007 lên 2.884 người năm học 2011-2012, bình quân tăng hơn 10% năm, trong cùng thời kỳ số lượng giáo viên tăng lên từ 1.266 người lên 1.964 người, bình quân 9,2% năm và số cán bộ quản lý như hiệu trưởng, hiệu phó, nhân viên văn phòng tăng từ 469 người lên 920 người, trung bình 14% năm. Tỷ lệ giáo viên trên tổng số cán bộ giáo viên là 73% năm học 2006-2007 giảm còn 68,1% năm học 2011-2012. Như vậy tỷ lệ gián tiếp tăng nhanh hơn trực tiếp.

Với tổng số giáo viên tăng liên tục như vậy nên tỷ lệ học sinh trên giáo viên trong những năm qua đã giảm đáng kể, từ 17 HS/GV năm học 2006-2007 đã giảm còn 12 HS/GV năm học 2011-2012.

Những năm gần đây, ngành GD&ĐT đã phối hợp với các ngành liên quan đào tạo và bồi dưỡng cán bộ, giáo viên, nhân viên bậc mầm non. Bên cạnh đó, rất nhiều giáo viên mầm non trẻ tốt nghiệp đại học tham gia vào đội ngũ đã góp phần nâng cao chất lượng đội ngũ nhà giáo.

Bảng 2.1. Số lượng và cơ cấu giáo viên và cán bộ quản lý các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập ở TP. Đà Nẵng

	2006-2007	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
Tổng (Ng)	1735	1893	1999	2257	2193	2884
Giáo viên (GV)	1266	1308	1451	1597	1597	1964
CB QL	469	585	548	660	614	920

Nguồn: Tổng hợp từ báo cáo của Sở Giáo dục và Đào tạo TP Đà Nẵng

Số lượng, chất lượng giáo viên và cán bộ quản lý trong các cơ sở cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập khá tốt trong điều

kiện phát triển rất nhanh của hệ thống này. Có gần 60% cán bộ nhân viên và giáo viên đạt chuẩn, trong đó tỷ lệ trên chuẩn là 40%. Số nhân viên đạt chuẩn là hơn 90%.

Theo điều tra, khảo sát, kết quả đánh giá về chất lượng giảng dạy của các gia đình có con em học mầm non ở các cơ sở GDMNCL như sau: (1) *Giáo viên*: Tỷ lệ hài lòng về giáo viên khá cao, chiếm đến 74%; (2) *Chuyên gia tư vấn*: Khoảng 60% phụ huynh hài lòng về việc sử dụng các chuyên gia tư vấn giáo dục của các trường;

2.2.3. Tình hình cơ sở vật chất, trang thiết bị, chất lượng dịch vụ cung cấp

Dịch vụ MNCL đang đáp ứng 2 nhóm nhu cầu. Một là, nhóm có yêu cầu cao, đặc biệt là các dịch vụ hỗ trợ phụ huynh, học sinh tăng cường một số yêu cầu vượt trội mà các trường công lập không thể đảm trách. Đây chính là nhóm do các trường lớn có đầu tư cao về hạ tầng, đội ngũ, chất lượng dịch vụ. Thường mức thu cao hơn nhiều so với các trường công lập. Hai là, nhóm các gia đình có nhu cầu gởi con nhưng không có cơ hội xin vào các trường công, hoặc do xa xôi, các cháu còn nhỏ, bất tiện cho việc đến trường. Nhóm này thường là các trường nhỏ, nhóm lớp độc lập tư thực, phần lớn có khoản thu thấp, nằm rải rác trong các khu dân cư, khu có nhiều công nhân trọ.

Bảng 2.2 tình hình cơ sở vật chất tại các cơ sở MNCL

		2006-2007	2007-2008	2008-2009	2009-2010	2010-2011	2011-2012
Mầm non	P. kiên cố	448	475	561	725	1010	1938
	P. bán kiên cố	395	363	365	449	1139	929
	Sân chơi có đồ chơi	56	114	104	72	80	179
Mẫu giáo	P. kiên cố	27	22	21	13	21	51
	P. bán kiên cố	15	13	16	3	6	4
	Sân chơi có đồ chơi	7	10	8	1	3	12
Nhà trẻ	P. kiên cố	10	10	3	19	26	20
	P. bán kiên cố	1	1	4	0	0	0
	Sân chơi có đồ chơi	5	3	0	2	1	2

Dịch vụ GD MNCL của thành phố Đà Nẵng trong thời gian qua đã phát triển nhanh chóng, mạng lưới ngày càng mở rộng. Đội ngũ và cơ sở vật chất trang thiết bị ngày càng được quan tâm đầu tư, đáp ứng chất lượng ngày càng cao, cùng với dịch vụ GDMN công lập, dịch vụ GDMNCL đã thỏa mãn phần lớn nhu cầu học tập của con em nhân dân ở mọi tầng lớp. Song bên cạnh đó còn gặp một số hạn chế lớn như:

- Không hoàn thành kế hoạch chuyển đổi trường bán công sang tư thực.
- Số lượng dịch vụ MNCL phát triển không đảm bảo chỉ tiêu xã hội hóa ở bậc học mầm non theo đề án xã hội hóa giáo dục của TP đến năm 2010
- Chất lượng dịch vụ chăm sóc và giáo dục ở các nhóm trẻ gia đình còn nhiều hạn chế, thiếu sự giám sát, bất cập trong việc quản lý.

2.3.2. Nguyên nhân của những hạn chế

- Chính sách vĩ mô thiếu sự ổn định cần thiết.
- Quỹ đất khu vực nội đô không còn hoặc cơ chế giao, thuê đất còn gặp nhiều bất cập chưa thu hút.
- Điều kiện kinh tế xã hội còn khó khăn.
- Sự đồng thuận của xã hội không cao.
- Văn bản hướng dẫn thực hiện chưa cụ thể.
- Nguồn vốn ưu đãi, chính sách khuyến khích không đảm bảo gây khó khăn cho các tổ chức, cá nhân đầu tư thực hiện.
- Việc huy động vốn của cá nhân, tổ chức còn lúng túng về cơ chế, cách làm.

CHƯƠNG 3

GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GDMNCL

TRÊN ĐỊA BÀN TP ĐÀ NẴNG

3.1. ĐỊNH HƯỚNG PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.1.1. Định hướng: (1) Cùng cố quy mô, mạng lưới trường, lớp mầm non ngoài công lập hiện có; (2) Chú trọng đẩy mạnh các dịch vụ hỗ trợ như hội thảo, tư vấn, phổ biến thông tin; (3) Phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập theo hướng tăng cường công tác quản lý nhà nước trong việc quản lý chất lượng dịch vụ, đảm bảo sự lành mạnh của thị trường.

3.1.2. Mục tiêu phát triển: Có 146 trường mầm non, với 67 trường mầm non công lập chiếm 45,8% và 79 trường mầm non ngoài công lập chiếm 54,2%, trong đó có trường mầm non chất lượng cao. Huy động 32% trẻ em trong độ tuổi nhà trẻ, 85% trẻ em trong độ tuổi mẫu giáo ra lớp; thu hút 100% trẻ 5 tuổi vào mẫu giáo. Nhà trẻ có khoảng 14.500 cháu, trong đó học sinh ngoài công lập chiếm 80%. Mẫu giáo có khoảng 47.000 học sinh, trong đó học sinh ngoài công lập chiếm 49%.

3.2. CÁC GIẢI PHÁP NHẪM PHÁT TRIỂN DỊCH VỤ GIÁO DỤC MẦM NON NGOÀI CÔNG LẬP TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ ĐÀ NẴNG

3.2.1. Nhóm giải pháp phát triển loại hình, chủng loại dịch vụ GDMNCL

Khác với GDMN công lập, GDMNCL có những thuận lợi trong việc linh hoạt nên có thể đáp ứng nhanh chóng các yêu cầu, nhiều phân khúc hẹp, đa dạng hình thức. Song dịch vụ giáo dục nói chung và GDMN nói riêng đòi hỏi khắc khe các điều kiện tham gia cũng như chất lượng dịch vụ, dù là công hay tư đều phải đánh giá trên một chuẩn yêu cầu và mục tiêu giáo dục. Do vậy, thành phố cần phải có các chính sách:

- Khuyến khích sự phát triển của các loại hình, chủng loại dịch vụ MNCL để chia sẻ các khó khăn của ngành cũng như chính quyền thành

phổ ví như các loại hình đáp ứng nhu cầu cho trẻ ở độ tuổi dưới 12 tháng do đặc thù của độ tuổi không tiện di chuyển xa.

- Xây dựng chuẩn các mô hình tiên tiến phù hợp với nhu cầu giải quyết việc làm tại nhà thông qua hình thức trông trẻ, hướng dẫn và kiểm tra nghiệp vụ và chất lượng dịch vụ.

- Thành lập trung tâm kiểm định chất lượng độc lập để đánh giá, xếp loại các dịch vụ của các cơ sở để người sử dụng có thể tham khảo, đồng thời cũng giúp cho các cơ sở cung cấp dịch vụ có thái độ nghiêm túc trong việc tổ chức dịch vụ giáo dục.

3.2.2. Phát triển quy mô, mạng lưới các dịch vụ hỗ trợ người học

Để dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập phát triển và phát triển tốt theo định hướng giáo dục của ngành, đảm bảo chất lượng, yêu cầu phát triển của thành phố và được xã hội đồng thuận cần phải:

- Quy hoạch mạng lưới đi cùng quá trình đô thị hóa, vận động và thu hút đầu tư, có yêu cầu bắt buộc với các quy hoạch khu dân cư, khu công nghiệp, có chính sách ưu đãi từng khu vực, tạo điều kiện đa dạng hóa các loại hình dịch vụ.

- Tăng cường kiểm tra giám sát việc thực hiện chiến lược, kế hoạch phát triển, rà soát, chỉnh sửa. Có chính sách hỗ trợ kịp thời, cần sớm tổng kết việc thực hiện đề án xã hội hóa

- Cơ cấu lại nguồn lực đúng chủ trương, quan điểm nhất quán trong thu hút đầu tư, nhà nước chỉ đầu tư những lĩnh vực mà ngoài công lập không thể đáp ứng. Khuyến khích sự đa dạng loại hình, dịch vụ hỗ trợ người học nâng cao chất lượng cuộc sống.

- Tác động thay đổi nhận thức từ nhà quản lý, xã hội, nhà đầu tư, người học. Phát triển dịch vụ MNNCL phát huy tiềm năng trí tuệ vật chất trong nhân dân, huy động toàn xã hội chăm lo cho sự nghiệp giáo dục, tạo điều kiện để mọi người được thụ hưởng thành quả giáo dục, nâng cao chất lượng cuộc sống.

3.2.3. Nhóm giải pháp phát triển đội ngũ giáo viên

Hiện nay tình trạng giáo viên dưới chuẩn vẫn còn đang hoạt động, là do một thời gian dài giáo viên mầm non không được quan tâm, mức

lương thấp lại không ổn định, thiếu chế độ hỗ trợ, việc bố trí công tác gặp khó khăn dẫn đến ngành giáo dục mầm non không thu hút sinh viên theo học, trình độ đầu vào thấp. Đội ngũ giáo viên, cán bộ quản lý Mầm non ngoài công lập chưa được quan tâm phát triển. Thực trạng thiếu và yếu của đội ngũ là khó khăn mà các cơ sở GDMNNCL đang phải đối đầu, đặc biệt tại các nhóm trẻ gia đình và cơ sở tự phát. Để khắc phục tình trạng này TP cần tiến hành:

- Quy hoạch tổng thể đội ngũ giáo viên, nhân viên, cán bộ quản lý đáp ứng yêu cầu phát triển (*Số lượng và chất lượng*).

- Có chính sách đảm bảo và thu hút nguồn nhân lực có chất lượng tham gia GDMN trong cũng như ngoài công lập.

- Đối xử công bằng với giáo viên trong và ngoài công lập, có chính sách khuyến khích với các chuyên gia trong và ngoài nước đến hợp tác.

- Có chính sách đào tạo thường xuyên giáo viên ngoài công lập, đặc biệt ở nhóm trẻ gia đình, các cơ sở tự phát.

- Tăng cường công tác đào tạo tại trường Đại học Sư phạm, đa dạng các hình thức đào tạo. Giáo dục đại học của chúng ta suốt thời gian quan bị đánh giá là chậm đổi mới, trường Đại học sư phạm như là một chiếc máy cái để sản sinh ra một đội ngũ người thầy, ở đây họ không chỉ học kiến thức mà thực sự họ bị ảnh hưởng tác phong của các thầy giáo, cô giáo. Tiên bộ của xã hội đặc biệt từ khi hội nhập đã đặt đội ngũ giáo viên trước một đòi hỏi bức bách là đào tạo nguồn nhân lực chất lượng cao, nâng cao khả năng cạnh tranh trong nước lẫn quốc tế. Những phương pháp thực hành, tư duy giáo dục, quan điểm làm việc mục tiêu đào tạo cũng phải phù hợp với yêu cầu của xã hội.

- Đổi mới công tác đánh giá giáo viên, đánh giá đúng thực chất, năng lực và sự đóng góp, tôn vinh những nhà giáo có đạo đức, kiến thức, có nhiệt huyết với nghề công hiến và đóng góp trong sự phát triển giáo dục.

- Kiểm tra chuẩn đội ngũ tham gia vào dịch vụ cải tiến hình thức đánh giá. Đi đôi với việc đổi mới công tác đào tạo là công tác đánh giá không nặng hình thức, quan tâm định hướng nghề nghiệp, tâm đức của người thầy và kỹ năng giảng dạy, việc rèn luyện thể chất, năng khiếu, mỹ

học... là rất cần thiết để giúp các em không chỉ chăm sóc, mà định hình nhân cách của trẻ ở những năm đầu đời. Các tiêu chí đánh giá phải phản ánh đúng không hình thức và thành tích. Đây là căn bệnh trầm kha của ngành giáo dục.

3.2.4. Nhóm giải pháp phát triển cơ sở vật chất, trang thiết bị, công nghệ quản lý, nâng cao chất lượng dịch vụ

Phát triển giáo dục ngoài công lập là thực thi chủ trương xã hội hoá. Đây là chủ trương không chỉ đúng mà hết sức cần thiết cho tình hình kinh tế xã hội của đất nước cũng như các tỉnh, thành phố nhằm thu hút các nguồn lực trong và ngoài nước nhằm nâng cao chất lượng giáo dục.

Chính quyền thành phố cần phải có chính sách thu hút đầu tư hợp lý cho lĩnh vực giáo dục như phải ưu đãi hơn, quan tâm hơn trong quy hoạch phát triển thành phố, minh bạch các chính sách, quan điểm chỉ đạo, đảm bảo quyền lợi để nhà đầu tư mạnh dạn đầu tư.

Xây dựng lộ trình hoàn thiện điều kiện cơ sở vật chất đối với các trường, nhóm trẻ gia đình. Áp dụng điều kiện cấp mới theo chuẩn trường mầm non đạt chuẩn quốc gia đối với các cơ sở giáo dục.

Tổ chức triển khai đồng loạt và kiểm tra chất lượng, đánh giá xếp loại công tác chăm sóc, giáo dục trẻ mầm non theo bốn lĩnh vực thể chất, trí tuệ, ngôn ngữ, nhận thức cụ thể trong 28 chuẩn, 120 tiêu chí chuẩn mầm non 5 tuổi của bộ GD&ĐT.

Hỗ trợ cho các cơ quan đơn vị nhận hợp đồng chuyên giao công nghệ quản lý, công nghệ giảng dạy của các tổ chức có chất lượng trong và ngoài nước.

Phát triển cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục ngoài công lập để đạt được các tiêu chuẩn cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non có chất lượng. Các tiêu chuẩn đó như: a) Nhà trường, nhà trẻ được đặt tại khu dân cư phù hợp quy hoạch chung, thuận lợi cho trẻ em đến trường, lớp; bảo đảm các quy định về an toàn và vệ sinh trường học; b) Khuôn viên của nhà trường, nhà trẻ phải có tường bao ngăn cách với bên ngoài, có công bảo đảm an toàn cho trẻ em. Yêu cầu về công trình hạ tầng giáo dục : a) Các công trình phải bảo đảm đúng quy cách theo tiêu chuẩn quy định và

quy định về vệ sinh trường học hiện hành; xây dựng khối nhóm trẻ, lớp mẫu giáo độc lập với khối phục vụ; b) Bố trí công trình cần đảm bảo an toàn, đáp ứng yêu cầu nuôi dưỡng, chăm sóc, giáo dục theo độ tuổi; có lối thoát hiểm và trang bị đầy đủ phương tiện theo quy định về phòng cháy, chữa cháy; c) Bảo đảm điều kiện cho trẻ em khuyết tật tiếp cận và sử dụng thuận tiện.

Trong nhiều trường hợp để tăng cường cơ sở vật chất cho giáo dục mầm non chúng ta không chỉ dựa hoàn toàn vào nguồn từ các nhà đầu tư ngoài công lập. Kinh nghiệm của nhiều nước trên thế giới cho thấy sự tham gia tài trợ của nhà nước vào phát triển cơ sở vật chất cho các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập. Sự tài trợ này rất cần thiết vì nó tăng thêm nguồn lực cho khu vực này và bảo đảm hơn sự bình đẳng của hệ công lập và ngoài công lập trong giáo dục. Nó cũng như khoản đầu tư mới để thu hút các nguồn đầu tư từ các thành phần kinh tế khác cho phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập. Có nhiều hình thức tài trợ của nhà nước khác nhau cho giáo dục mầm non như cấp đất cho các cơ sở này với giá ưu đãi, hỗ trợ trang thiết bị giáo dục, hay hỗ trợ trực tiếp các khoản tài chính cho xây dựng cơ sở này.

3.2.4. Nhóm giải pháp khác

Ngoài các giải pháp trên TP cần thực hiện các giải pháp sau:

a. Đổi mới quản lý nhà nước với GDMNCL

Trước hết phải thay đổi nhận thức đối với giáo dục mầm non ngoài công lập trong hệ thống giáo dục quốc dân. Đây là một bộ phận trong hệ thống giáo dục quốc dân nói chung và giáo dục mầm non nói riêng góp phần đáp ứng nhu cầu học tập của con em nhân dân trong điều kiện giáo dục công lập không đáp ứng được do những hạn chế về nguồn lực từ nhà nước và thực hiện chủ trương xã hội hóa giáo dục hiện nay. Từ đó xác định sự bình đẳng giữa giáo dục mầm non trong và ngoài công lập để thay đổi cơ chế quản lý. Nghĩa là xác định đúng đối tượng quản lý trước khi đưa ra quyết định quản lý mới bảo đảm các quyết định được thực thi.

Ngoài ra việc kiểm tra giám sát hoạt động của các cơ sở này

cũng thường xuyên được tiến hành để bảo đảm sự chấp hành nghiêm túc của họ.

Ngành giáo dục cần cải cách thủ tục hành chính trong hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non. Việc cải cách hành chính trong lĩnh vực giáo dục TP Đà Nẵng trong tương lai đi theo hướng làm cho bộ máy quản lý giáo dục hoàn thiện hơn, hoạt động có hiệu quả hơn, phục vụ nhân dân ngày một tốt hơn và tiết kiệm nhất, dần từng bước chuyển nền hành chính từ cơ quan cai quản thành các cơ quan phục vụ dân, làm các dịch vụ hành chính đối với dân, công dân là khách hàng của nền hành chính, là người đánh giá khách quan nhất về mọi hoạt động của bộ máy nhà nước, bộ máy hành chính.

b. Ngành giáo dục cần cải cách thủ tục hành chính trong hỗ trợ phát triển giáo dục mầm non.

Về thể chế hành chính trên cơ sở Hiến pháp đã sửa đổi, các Luật mới và các văn bản dưới luật về tổ chức bộ máy nhà nước; Pháp lệnh cán bộ, công chức và các nghị định để cụ thể hóa Pháp lệnh, cán bộ, công chức... quán triệt thực hiện tốt trong bộ máy hành chính của thành phố và ngành giáo dục.

Về bộ máy hành chính về giáo dục của thành phố tiếp tục giảm dần các đầu mối quản lý giáo dục, số lượng các cơ quan quản lý nhà nước đã giảm xuống đáng kể, tiếp tục đẩy nhanh thủ tục hành chính được cải cách theo hướng "một cửa", mẫu hóa các văn bản hành chính, giấy tờ, công khai các thủ tục hành chính về giáo dục. Chính việc cải cách thủ tục hành chính này đã góp phần hạn chế sự sách nhiễu, phiền hà, tham nhũng của các công chức hành chính trong khi giải quyết các công việc của các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập. Đây là điểm căn bản nhất của cải cách hành chính về giáo dục góp phần trong xây dựng nhà nước pháp quyền ở thành phố.

Một vấn đề đang được quan tâm trong cải cách hành chính ở lĩnh vực giáo dục hiện nay là vấn đề phân cấp trong quản lý nhà nước. Phân cấp thực chất là việc chuyển dần các công việc, nguồn lực do chính quyền sở nắm giữ cho các ban ngành về giáo dục ở quận huyện một cách lâu

dài, ổn định bằng các văn bản luật, dưới luật, nhằm mở rộng dân chủ, phát huy tính chủ động sáng tạo của chính quyền địa phương. Trong xu hướng phân cấp bộ máy hành chính thành phố sẽ tập trung vào việc xây dựng chính sách, bảo đảm sự thống nhất về việc giải quyết những vấn đề lớn của ngành giáo dục thành phố, còn những việc thuộc phạm vi giáo dục quận huyện để cho họ giải quyết. Như vậy, vấn đề phân cấp gắn với vấn đề dân chủ, dân chủ là cốt lõi của nhà nước pháp quyền, không có dân chủ thì không có nhà nước pháp quyền, không mở rộng quyền chủ động sáng tạo của chính quyền địa phương thì không có nhà nước pháp quyền. Bởi vì chỉ có thể thông qua những thiết chế dân chủ, phát huy tính dân chủ, sáng tạo của cộng đồng lãnh thổ mới có thể tạo lập được môi trường thuận lợi để nhân dân các cộng đồng lãnh thổ kiểm soát được hoạt động của nhà nước.

Tiếp tục áp dụng tiêu chuẩn ISO để đánh giá, kiểm soát thường xuyên hoạt động của các cơ quan quản lý giáo dục trong việc giải quyết các công việc của các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập. Trong số các tiêu chí đánh giá về cơ quan hành chính có các tiêu chí đáng lưu ý gắn với nhà nước pháp quyền: tính hợp pháp của nội dung các quyết định; tính đúng đắn về thời hạn theo quy định của quản lý của các quyết định; tính đúng đắn về thủ tục giải quyết các công việc. Thực tiễn việc áp dụng các tiêu chuẩn ISO vào hoạt động hành chính về giáo dục đã mang lại những kết quả đáng kể: việc giải quyết các công việc của dân đơn giản, nhanh gọn, đúng pháp luật, đúng thời hạn, đúng thủ tục.

c. Giải quyết tốt mối quan hệ với giáo dục mầm non công lập

Để phát triển giáo dục mầm non ngoài công lập thì phải giải quyết tốt mối quan hệ giữa với giáo dục mầm non công lập. Phải nhận thức đúng vai trò của các cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập trong hệ thống giáo dục nói chung và hệ thống cơ sở giáo dục mầm non nói riêng. Cần khẳng định cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập là bộ phận cấu thành của hệ thống giáo dục mầm non Việt Nam để bảo đảm cung cấp dịch vụ giáo dục mầm non cho nhu cầu ngày càng tăng của xã hội. Trong thực tế hiện nay vẫn còn định kiến nhất định với cơ

sở giáo dục mầm non ngoài công lập ví dụ khi giáo viên mẫu giáo giỏi chuyển từ các trường công lập sang cơ sở giáo dục mầm non ngoài công lập được coi là “Chảy máu chất xám”. Đây chính là tư tưởng phân biệt đối xử giữa hai loại hình này.

KẾT LUẬN VÀ KIẾN NGHỊ

Kết luận

Đà Nẵng đang trong giai đoạn phát triển nhanh về chất lẫn về lượng, để trở thành “Thành phố đáng sống”, Đà Nẵng cần đầu tư tập trung những giá trị sống mà giá trị giáo dục vừa là nền tảng vừa là động lực cho sự phát triển. Chủ trương xã hội hóa giáo dục cùng y tế, văn hóa, thể thao của chính phủ, với mục tiêu thu hút nhiều nguồn lực xã hội để nâng cao chất lượng của chính phủ và chính quyền Thành phố là hết sức đúng đắn.

Những năm qua, phát triển dịch vụ giáo dục mầm non ngoài công lập đã có vai trò quan trọng trong việc phát triển ngành giáo dục và đào tạo của thành phố Đà Nẵng.

Đà Nẵng đang trong giai đoạn phát triển, tình trạng tăng dân số cơ học đặc biệt ở độ tuổi lao động sẽ tạo ra sức ép về yêu cầu đảm bảo điều kiện học tập của người dân sống và làm việc tại Đà Nẵng cho Chính quyền Thành phố. Chính sách đẩy mạnh xã hội hóa giáo dục mầm non ngoài công lập trong quy hoạch phát triển Thành phố đến năm 2020 là hết sức đúng đắn, song việc phát triển dịch vụ GDMNNCL tại TP ĐN còn gặp những hạn chế:

- Điều kiện sống của người dân còn thấp.
- Chính quyền Thành phố chưa quyết liệt trong thực hiện.
- Chưa tạo đồng thuận trong hệ thống chính trị cũng như xã hội.
- Quỹ đất tại khu vực trung tâm hạn chế, thiếu chính sách hỗ trợ giao, cho thuê ưu đãi.
- Nguồn vốn hỗ trợ và thủ tục còn nhiều bất cập.

Đây sẽ là sức ép lên ngân sách địa phương nếu không đẩy mạnh việc phát triển dịch vụ giáo dục nói chung và MNNCL nói riêng việc này

sẽ hạn chế điều kiện tiếp cận dịch vụ giáo dục của trẻ em, hạn chế điều kiện hỗ trợ để phụ nữ tham gia công tác, khó thực hiện nâng cao chất lượng cuộc sống của nhân dân.

Kiến nghị

- Nhanh chóng thực hiện đổi mới căn bản và toàn diện giáo dục.
- Chính phủ cần ổn định các chính sách vĩ mô, bởi lẽ đầu tư giáo dục là đầu tư lâu dài, muốn có các dự án đầu tư lớn, quy mô và chuyên nghiệp thì việc đảm bảo tính ổn định và nhất thống của các chính sách vĩ mô là hết sức cần thiết để các nhà đầu tư mạnh dạn bỏ vốn đầu tư hạ tầng, chuyển giao công nghệ, phát triển chuyên nghiệp, nâng cao hiệu quả, chất lượng.
- Kiểm tra và rà soát việc thực hiện đề án xã hội hóa giáo dục, ban hành kịp thời những văn bản hướng dẫn để chính sách pháp luật đi vào đời sống.
- Cần tập trung nguồn vốn ưu đãi cho các lĩnh vực ưu tiên nói chung và giáo dục nói riêng theo đúng tinh thần chủ trương xã hội hóa. Nâng cao năng lực và giám sát hoạt động của ngân hàng phát triển, đây là kênh cung cấp vốn ưu đãi cho các cơ sở hoạt động trong lĩnh vực ưu tiên (*hiện nay nguồn vốn không đảm bảo, tập trung quá nhiều 70% cho các tập đoàn, tổng công ty, doanh nghiệp nhà nước, việc tiếp cận của các đơn vị ngoài công lập là hết sức khó khăn*). Trong điều kiện không đáp ứng nguồn vốn như hiện nay, các cơ sở phải tìm nguồn từ các ngân hàng thương mại, tôi kiến nghị chính phủ duy trì trở lại gói hỗ trợ sau đầu tư để giúp các cơ sở giáo dục giảm bớt các khó khăn về chi phí vốn, tăng cường công tác đầu tư đẩy mạnh phát triển.